

Số: 60/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức trợ cấp trẻ em mầm non, hỗ trợ giáo viên mầm non
và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn
có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH15;

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Xét Tờ trình số 8705/TTr-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 156/BC-HĐND ngày 21 tháng 11 năm 2025
của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức trợ cấp trẻ em
mầm non, hỗ trợ giáo viên mầm non và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập,
tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non, hỗ trợ giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công

nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

b) Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp đảm bảo các điều kiện sau:

- Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định;
- Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục;
- Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

c) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

Điều 2. Quy định mức hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với trẻ em

a) Trẻ em mầm non thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được hỗ trợ 360.000 đồng/trẻ/tháng;

b) Thời gian hỗ trợ: Bắt đầu thực hiện từ năm học 2025 - 2026, tính từ ngày 01/9/2025, theo số tháng học thực tế, nhưng tối đa không quá 9 tháng/năm học.

2. Đối với giáo viên

a) Giáo viên mầm non thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được hỗ trợ 800.000 đồng/người/tháng. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

b) Thời gian hỗ trợ: Bắt đầu thực hiện từ năm học 2025 - 2026 (tính từ ngày 01/9/2025), theo số tháng học thực tế, nhưng tối đa không quá 9 tháng/ năm học.

3. Đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được hỗ trợ 01 lần là 20 triệu đồng để trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

4. Trẻ em mầm non, giáo viên mầm non và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực thuộc đối tượng quy định chỉ được hưởng một chính sách cùng loại ở mức cao nhất theo văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bảo đảm từ ngân sách nhà nước được giao trong dự toán hằng năm cho ngành giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết, nội dung của Nghị quyết sau đây:

a) Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên mầm non; phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;

b) Nghị quyết số 27/2021/HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, giáo viên mầm non và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

c) Nội dung: *“Quy định chính sách phát triển cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực (áp dụng đối với nhà trẻ, nhóm trẻ, trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo, trường mầm non, lớp mầm non và các tổ chức, cá nhân có liên quan)”* tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

d, Nội dung: *“Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực xã hội hóa”* tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ;

e, Điều 3 Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ;

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới hoặc điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, kỳ họp chuyên đề thứ Tư thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, TTDN².

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình